

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 10 năm 2022

Giá cả thị trường tháng 9 và công tác quản lý giá tháng 09 đầu năm 2022

Nhìn chung trong tháng 9 ngoài nhóm giao thông có chỉ số giảm tương đối mạnh thì các nhóm còn lại tương đối ổn định. Cụ thể: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,40%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,07%; May mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,09%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,19%; Giáo dục tăng 0,06%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,08%; Hàng hoá dịch vụ khác tăng 0,21%. Có 3 nhóm giảm giá là Nhà ở, điện nước, chất đốt và VLXD giảm 0,19%; Giao thông giảm 1,87% và Bưu chính viễn thông giảm 0,05%; Riêng nhóm thuốc và dịch vụ y tế ổn định. CPI tháng 9 năm 2022 giảm chủ yếu do ảnh hưởng từ việc điều chỉnh giá nhiên liệu 3 kỳ liên tiếp vào ngày 05; 12 và 21 tháng 9.

CHỈ TIÊU	Chỉ số giá tháng 9/2022 so với (%)				
	Kỳ gốc năm 2014	Cùng tháng năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Bình quân cùng kỳ
<u>Chỉ số giá tiêu dùng</u>	107,65	102,76	102,10	99,94	102,73
I.Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	112,94	103,73	104,11	100,40	101,11
- Lương thực	115,23	100,55	99,08	99,38	104,59
- Thực phẩm	115,09	104,48	105,51	100,71	100,13
- Ăn uống ngoài gia đình	105,73	103,92	103,85	100,28	101,48
II.Đồ uống và thuốc lá	102,65	101,31	101,04	100,07	101,21
III.May mặc, mũ, nón, giày dép	105,14	101,95	101,84	100,09	101,82
IV. Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	106,56	102,59	100,46	99,81	103,86
V.Thiết bị và đồ dùng gia đình	103,23	101,86	101,71	100,19	101,26
VI.Thuốc và dịch vụ y tế	100,19	100,03	100,02	100,00	100,03
VII.Giao thông	107,93	105,32	101,60	98,13	113,53
VIII.Bưu chính viễn thông	99,45	99,67	99,69	99,95	99,74
IX.Giáo dục	104,73	100,46	100,40	100,06	100,31

X.Văn hóa, giải trí và du lịch	101,08	101,05	101,06	100,08	100,51
XI.Hàng hóa và dịch vụ khác	103,20	100,98	100,96	100,21	100,54
* Chỉ số giá vàng	132,97	100,00	98,77	97,79	102,35
* Chỉ số giá đô la Mỹ	101,60	103,40	103,04	100,55	100,48

II-Diễn biến giá cả một số mặt hàng chủ yếu:

Thị trường hàng hóa trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp tháng 9/2022 phong phú đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất, tiêu dùng cho nhân dân. Cụ thể như sau:

1/ Lương thực – thực phẩm:

a/ Giá lương thực:

Lúa khô tại kho lúa OM5451: 7.200-7.250đ/kg. Gạo thường 12.000-14.000đ/kg, gạo ngon 15.000-19.000đ/kg, gạo thơm các loại 18.000-20.000đ/kg. Gạo nguyên liệu OM 5451 8.800-8.850đ/kg, Gạo nguyên liệu IR50404: 8.700-8.750đ/kg. Giá gạo thành phẩm (giá không bao bì, chi phí vận chuyển tạm tính 150k/kg) loại 5% tấm 9.700đ/kg; loại 15%: 9.400đ/kg, loại 25%: 9.100đ/kg; loại DT8 10.350đ/kg.

b/ Giá thực phẩm:

Giá một số mặt hàng gia súc, gia cầm thời điểm hiện tại: Giá heo hơi 58.000-65.000đ/kg, thịt đùi 75.000-85.000đ/kg, thịt nạt thăn 90.000-100.000đ/kg, thịt ba rọi ngon 100.000-120.000đ/kg, thịt sườn 130.000-140.000đ/kg tùy loại, thịt Bò phi lê 250.000-260.000đ/kg, thịt Bò đùi 200.000-220.000đ/kg, thịt Trâu 220.000-240.000đ/kg. Cá lóc nuôi 48.000-50.000đ/kg, cá lóc đồng 100.000-120.000đ/kg, cá Diêu hồng 50.000-55.000đ/kg, cá rô nuôi 55.000-65.000/kg, cá rô đồng 100.000-120.000/kg, cá chép 55.000đ/kg, Vịt xiêm 80.000-85.000đ/kg, vịt ta 60.000-65.000đ/kg; gà công nghiệp từ 65.000-80.000đ/kg, gà ta sống 120.000-140.000đ/kg, trứng gia cầm 3.000-3.500đ/quả.

Mặt hàng rau, củ, quả, trái cây thời điểm hiện tại: Bắp cải 18.000-20.000đ/kg, dưa leo 14.000-15.000đ/kg; bí đỏ 22.000-25.000 đ/kg, bí đao: 19.000-20.000đ/kg, dưa hấu dài: 10.000-12.000đ/kg. Cam xoàn 35.000-40.000đ/kg, xoài cát hòa lộc 65.000-75.000đ/kg,

- Giá một số mặt hàng khác thời điểm hiện tại: Dầu ăn hiệu Simply 2l 98.000đ/chai; hạt nêm Neptune 380g 26.000đ/gói; Sữa ông thọ 380g 22.000đ/hộp; Xúc xích visan 40g 4.500đ/cây Mì tôm hảo hảo chua cay 140.000-150.000đ/thùng/30gói; Đường cát trắng rời 20.000-22.000đ/kg, đường gói 21.000-22.000đ/kg, tiêu hạt loại 1 từ 180.000-200.000đ/kg; Tỏi 45.000-50.000đ/kg, nước mắm Nam Ngư 750ml 10g/l 34.200đ/chai, nước tương Margi 25.000-27.000đ/chai/500ml, bột ngọt hiệu Ajinomoto 25.000-27.000đ/gói/400gr; Sữa

Ensure Gold 400g 315.000đ/hộp; Xà bông Omo 2,3kg 130.000đ, nước rửa chén Sunlight túi 2,1kg 65.000đ.

2/ Giá vật tư, vật liệu xây dựng, nhiên liệu:

a/ Giá vật tư nông nghiệp:

Giá vật tư nông nghiệp thời điểm hiện tại: Phân Urê Phú Mỹ 15.200đ/kg, DAP Trung Quốc 31.000đ/kg, Kali muối ốt 19.200đ/kg.

b/ Giá vật liệu xây dựng:

Giá vật liệu xây dựng như sau: xi măng Hà Tiên: 90.000-91.000 đ/bao, cát đen đổ nền 175.000-180.000đ/m³, cát vàng 300.000-305.000đ/m³, gạch xây (Gạch ống 2 lỗ, cỡ rộng 10 x dài 22, loại 1, mua rời tại nơi cung ứng hoặc tương đương) 1.600đ/viên, ống nhựa phi 90: 29.500đ/mét

3/ Giá vàng, đôla Mỹ:

- Giá vàng nhẫn địa phương (loại 999 của Tiệm vàng Kim Long) bình quân (mua vào - bán ra) là 5.035.556-5.087.775đ/chi.

- Giá đô la Mỹ tháng 9, bình quân tại ngân hàng Vietcombank: 23476-23.783 đ/Đôla.

4/ Giao thông:

a/ Giá dịch vụ trông giữ xe:

Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 21/12/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp. Các điểm trông giữ xe tại các chợ và bệnh viện đều chấp hành đúng theo quy định về giá dịch vụ trông giữ xe như thực hiện niêm yết giá, thu đúng giá niêm yết.

b/ Giá cước vận tải:

Giá cước vận tải thời điểm hiện tại: Giá cước ô tô đường dài: 100.000 đồng/vé, giá cước xe buýt công cộng (dưới 30km) 20.500 đồng/vé, giá cước taxi (10km đầu, loại xe 7 chỗ) 13.500đồng/km.

c/ Giá nhiên liệu:

- Trong tháng 9/2022 giá xăng, dầu điều chỉnh như sau:

+ Lần 1: Lúc 15 giờ 00 ngày 05/9/2022 xăng RON 95-III 25.400đ/lít; xăng E5 RON 92: 23.810đ/lít; dầu diesel 0,05S: 25.680đ/lít, mazut 3,5S: 16.390đ/kg, mazut 3S: 17.620đ/kg, dầu hoả: 25.940đ/lít.

+ Lần 2: Lúc 15 giờ ngày 12/9/2022 xăng RON 95-III 23.670đ/lít; xăng E5 RON 92: 22.670đ/lít; dầu diesel 0,05S: 22.980đ/lít, mazut 3,5S: 14.970đ/kg, mazut 3S: 16.170đ/kg; dầu hoả: 24.890đ/lít.

+ Lần 3: Lúc 15 giờ ngày 21/9/2022 xăng RON 95-III 23.030đ/lít; xăng E5

RON 92: 22.210đ/lít; dầu diesel 0,05S: 22.980đ/lít, mazut 3,5S: 14.970đ/kg, mazut 3S: 16.170đ/kg; dầu hoả: 22.880đ/lít.

III. Công tác quản lý giá 9 tháng đầu năm 2022:

1. Đánh giá chung

Nhìn chung, 9 tháng đầu năm 2022 Phòng đã thực hiện tốt công quản lý nhà nước về giá tại địa phương, tham mưu thực hiện các quy định liên quan lĩnh vực quản lý, công tác thẩm định giá đất, công tác theo dõi diễn biến giá cả thị trường Bộ Tài chính theo chỉ đạo kịp thời và đúng thời gian quy định.

2. Kết quả thực hiện

a) Công tác thẩm định giá đất:

Tổ chức 24 cuộc họp Hội đồng thẩm định giá đất thông qua 120 phương án giá đất cụ thể để tính tiền bồi thường khi nhà nước thu hồi đất, tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định.

b) Công tác tham gia định giá tài sản trong tố tụng hình sự, tố tụng dân sự, tài sản hàng tịch thu

- Định giá tài sản trong tố tụng hình sự: 09 vụ.
- Định giá tài sản bị tịch thu: 70 vụ.
- Tham gia định giá tài sản thanh lý, bàn giao, định giá nhà đất thuộc sở hữu nhà nước.

c) Công tác tiếp nhận thủ tục kê khai giá:

Tiếp nhận hồ sơ kê khai giá của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục thực hiện kê khai giá với hơn 35 lượt hồ sơ kê khai giá; theo dõi thông báo điều chỉnh giá trong phạm vi dưới 5%, hướng dẫn các đơn vị, doanh nghiệp giải đáp thắc mắc, khó khăn trong việc xác định đối tượng thuộc diện kê khai giá, trình tự thực hiện kê khai, các quy định pháp luật về.

d) Công tác theo dõi, báo cáo giá cả thị trường:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến giá cả thị trường, số liệu của Cục Thống kê, chỉ số giá cả hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tỉnh Đồng Tháp để kịp thời báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong công tác quản lý giá trên địa bàn.

e) Công tác phối hợp:

- Phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định giá dự toán mua sắm thiết bị đối với các dự án đầu tư xây dựng, ý kiến dự án đầu tư; tham gia góp ý các ngành liên quan thuộc lĩnh vực quản lý giá, tài sản công,... các công tác khác theo sự phân công, chỉ đạo.

f) Công tác thanh tra kiểm tra giá:

- Chủ trì, phối hợp ngành liên quan thành lập đoàn kiểm tra liên ngành về giá.

g) Công tác ban hành văn bản quy phạm pháp luật:

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND về việc Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết số 31/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 về việc bãi bỏ các quyết định của Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Tháp.

h) Các công tác khác đã thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Tài chính, UBND tỉnh, BGĐ:

- Báo cáo Bộ Tài chính tình hình giá cả thị trường trước tết Nguyên Đán Nhâm Dần.

- Báo cáo việc thực hiện chính sách, pháp luật về THTK, CLP trong quản lý, sử dụng TSNN giai đoạn 2016-2021 theo yêu cầu của Đoàn giám sát Quốc hội.

- Báo cáo Bộ Tài chính tình hình giá cả thị trường trong và sau Tết Nguyên đán Nhâm Dần 2022.

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng hóa đơn bán tài sản nhà nước năm 2021.

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản nhà nước năm 2021.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định tính giá lệ phí trước bạ nhà trên địa bàn tỉnh.

- Trình UBND tỉnh bán đấu giá cơ sở nhà đất do Sở Tài chính quản lý.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn Tỉnh.

- Trình UBND tỉnh quy định giá tiêu thụ nước sạch khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

- Phối hợp Sở NN&PTNT thực hiện điều tra giá thành lúa vụ Đông Thu, Hè Thu năm 2022.

IV- Phương hướng công tác tháng 10/2022:

- Theo dõi diễn biến giá cả thị trường và báo cáo theo quy định.

- Xử lý các công tác chuyên môn khác.

Trên đây là báo cáo tình hình giá thị trường tháng 9 và công tác quản lý giá 09 tháng đầu năm 2022, Sở Tài chính Đồng Tháp báo cáo Bộ Tài chính (Cục Quản lý giá) nắm để có hướng chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý giá (BTC);
- UBND tỉnh (b/c);
- VP Tỉnh ủy;
- Cục Thuế;
- Sở KH&ĐT;
- Sở Tài chính các tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Phòng TC-KH huyện, thành phố;
- Lưu: VP, QL.G.CS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Ngô Thị Ngọc Sương